TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 305/2019/DS-PT
Ngày: 18/10/2019
V/v: Yêu cầu tuyên bố
Hợp đồng công chứng vô hiệu.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Thiện.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Quốc Thái;

Ông Vũ Toàn Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Bà Trần Thị Ngoan - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18/10/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/TLPT-DS ngày 06/3/2019 về việc: "Yêu cầu tuyên bố hợp đồng công chứng vô hiệu".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2018/DSST ngày 24/10/2018 của Tòa án nhân dân quận B.Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 65/2019/QĐ-PT ngày 19/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà N.T.T, sinh năm 1938; Địa chỉ: số 10B phố L.N.Đ, phường H.M, quận H.K, Hà Nội. Đại diện theo ủy quyền của bà T là: Anh V.A.Đ, sinh năm 1985; Địa chỉ: 20 ngách 102/1 K.N, phường T.N, quận H.K, Hà Nội. Có mặt.

2. Bị đơn: Văn phòng công chứng L.V; Trụ sở: số 49 phố V.C, quận B.Đ, Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Ông T.Q.K- Trưởng Văn phòng. Đại diện theo ủy quyền: Bà N.B.H, sinh năm 1953; Địa chỉ: số 54 Hàng Bạc, H.K, Hà Nội. Có mặt ông K, bà H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Đ.S.X và Luật sư L.N.A- Công ty Luật TNHH K.V, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Có đơn xin xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chị Đ.T.T.H, sinh năm 1976; Địa chỉ: số 10B phố L.N.Đ, phường H.M, quận H.K, Hà Nội. Đại diện theo ủy quyền của chị H là: Anh V.T.A, sinh năm 1991; Địa chỉ: số 9 D.T, phường T.H.Đ, quận H.K, Hà Nội. Có mặt.

3.2. Ngân hàng TMCP Đ.A; Trụ sở: số 130 P.Đ.L, phường 3, quận P.N, TP. Hồ Chí Minh. Đại diện theo pháp luật: Ông V.M.T- Chủ tịch HĐQT. Đại diện theo ủy quyền: Bà Đ.H.C.M- Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ.A - Chi nhành thành phố Hà Nội - Phòng Giao dịch B.Đ. Có mặt.

4. Người kháng cáo:

4.1. Văn phòng công chứng L.V - Bị đơn;

4.2. Ngân hàng TMCP Đ.A - Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Nguyên đơn bà N.T.T trình bày: Ngày 06/10/2005, bà và chồng là ông Đ.V.V được Uỷ ban nhân dân quận H.K cấp GCNQSD đất số AO 434806 đối với nhà đất tại số 10A L.N.Đ, phường H.M, quận H.K, Hà Nội.

Ngày 10/11/2011, chị Đ.T.M.L(con gái ông bà) có đưa bà đến Văn phòng Công chứng L.V để ký Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là nhà đất số 10A phố L.N.Đ cho con gái là Đ.T.T.H.

Sau khi sang tên nhà đất, chị H đã sử dụng nhà đất được tặng cho để thế chấp đảm bảo cho khoản vay của Công ty Xuất nhập khẩu và Đầu tư G.B tại Ngân hàng TMCP Đ.A- Chi nhánh Hà Nội số 181 N.L.B, phường Q.T, quận Đ.Đ, Hà Nội.

Bà T xác định không biết gì về hợp đồng tặng cho tài sản, bà chỉ nhớ có ký vào 1 hợp đồng và đã có sẵn chữ ký của chị H. Bà cũng không được giữ bản hợp đồng nào. Đến khi có bản hợp đồng thì bà thấy có chữ ký của chồng bà là ông V, bà khẳng định đó không phải chữ ký của ông V vì ông bị tai biến mạch máu não nhiều lần nên bị liệt tứ chi, sống thực vật, không làm chủ được hành vi. Ngày 05/8/2012 thì ông V chết. Bà yêu cầu Toà án tuyên bố văn bản công chứng là hợp đồng tặng cho tài sản vô hiệu.

2. Bị đơn Văn phòng Công chứng L.V do người đại diện theo pháp luật trình bày: Ngày 10/11/2012, ông Đ.V.V, bà N.T.T, và chị Đ.T.T.H cùng đến Văn phòng công chứng để ký kết hợp đồng tặng cho tài sản và công chứng. Văn phòng công chứng đã kiểm tra và thấy đủ thủ tục nên đã công chứng hợp đồng tặng cho tài sản cho các bên. Các bên ký tên vào hợp đồng trước mặt công chứng viên. Thủ tục công chứng đúng quy định pháp luật.

Theo quy định thì công chứng viên phải kiểm tra CMTND của người đến công chứng và đối chiếu đúng người. Sau khi người đến công chứng ký tên còn phải lăn tay bằng ngón tay trỏ phải. Công chứng viên không nhớ ông V đã lăn tay ngón nào

và đi đến văn phòng công chứng bằng phương tiện gì, ông V có khuyết tật hay không công chứng viên cũng không nhớ.

Nay chị H và bà T lại cho rằng dấu vân tay trong hợp đồng tặng cho tài sản không phải của ông V và yêu cầu huỷ hợp đồng tặng cho tài sản, Văn phòng công chứng không nhất trí.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chị Đ.T.T.H do người nhận uỷ quyền là anh V.T.A trình bày: Ngày 10/11/2011, chị H đến Văn phòng Công chứng L.V để ký hợp đồng tặng cho tài sản của bố mẹ là bà T và ông V. Theo đó bà T và ông V tặng cho chị nhà đất tại số 10A L.N.Đ, phường H.M, quận H.K, Hà Nội. Chị H là người đầu tiên ký hợp đồng tặng cho tài sản và ra về, còn bà T và ông V ký lúc nào chị không rõ. Thời điểm này ông V mới được Bệnh viện 108 cho ra viện và vẫn trong tình trạng liệt cứng tứ chi, gọi hỏi không biết vì ông bị tai biến mạch máu não. Ngày 05/8/2012 thì ông V chết.

Chị gái chị H là Đ.T.M.L nhận hợp đồng tặng cho tài sản trên. Thủ tục sang tên GCNQSD đất từ bà Thành, ông V sang cho chị Hcũng do chị Đ.T.M.L làm dịch vụ, chị H chỉ việc ký tên vào các bộ thủ tục sang tên. Nay chị L đi đâu không rõ địa chỉ.

Năm 2014, chị H ký Hợp đồng thế chấp tài sản bố mẹ đã tặng cho là nhà số 10A phố L.N.Đ để bảo lãnh cho khoản vay của Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu và Đầu tư G.B tại Ngân hàng TMCP Đ.A chi nhánh Hà Nội, số 181 N.L.B, phường Q.T, quận Đ.Đ, Hà Nội.

Sau khi bà T xin được bản hợp đồng tặng cho tài sản đã công chứng và kiểm tra thì được biết chữ ký và chữ viết Đ.V.V không phải của ông V. Vì vậy chị yêu cầu Toà án căn cứ pháp luật giải quyết.

3.2. Ngân hàng TMCP Đ.A do bà Đ.H.C.M đại diện theo uỷ quyền trình bày: Tháng 1/2014, Phòng giao dịch B.Đ - Chi nhánh thành phố Hà Nội của Ngân hàng TMCP Đ.A đã ký Hợp đồng tín dụng cho Công ty CP Xuất nhập khẩu và Đầu tư G.B vay vốn. Tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay của Công Ty G.B là nhà đất số 10A L.N.Đ đứng tên chủ tài sản trong GCNQSD đất nhà là Đ.T.T.H.

Nay bà Tvà chị H có yêu cầu huỷ hợp đồng tặng cho tài sản đối với nhà đất số 10A L.N.Đ vì chữ ký và chữ viết trong hợp đồng tặng cho tài sản không của ông V (là người tặng cho tài sản), vấn đề này Ngân hàng không biết và không có nghĩa vụ phải biết. Các bên đã ký kết trong hợp đồng tặng cho tài sản thì phải tự chịu trách nhiệm về chữ viết và chữ ký của mình. Ngân hàng đề nghị Toà án căn cứ pháp luật giải quyết.

Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2018/DS-ST ngày 24/10/2018 của Tòa án nhân dân quận B.Đ đã quyết định:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà N.T.T.

2. Tuyên bố văn bản công chứng là Hợp đồng tặng cho tài sản số công chứng 1657.2011/HĐ-TC ngày 10/11/2011 của Văn phòng Công chứng L.V vô hiệu.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn xin thi hành án, chị Đ.T.T.H và bà N.T.T có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chuyển dịch tài sản là nhà đất tại 10A L.N.Đ- H.K- Hà Nội cho bà N.T.T và ông Đ.V.V(đã chết).

3. Giành quyền khởi kiện cho Ngân hàng TMCP Đ.A, bà N.T.T, chị Đ.T.T.H về yêu cầu bồi thường thiệt hại khi văn bản công chứng là Hợp đồng tặng cho số công chứng 1657.2011/HĐ-TC ngày 10/11/2011 của Văn phòng Công chứng L.V vô hiệu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền yêu cầu thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 08/11/2018, Văn phòng Công chứng L.V có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 16/11/2018, Ngân hàng TMCP Đ.A có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng TMCP Đ.A giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

- Các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

+ Về nội dung: Phân tích nội dung vụ án và đề nghị HĐXX cấp phúc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 308 BLTTDS hủy bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, yêu cầu của các bên đương sự; luận cứ của các Luật sư; quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[I]. Đơn kháng cáo của Văn phòng Công chứng L.V và Ngân hàng TMCP Đ.A nộp trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định nên được chấp nhận xem xét.

[II]. Xét nội dung đơn kháng cáo của các đương sự cho thấy:

[1]. Nguồn gốc nhà đất là đối tượng tài sản trong Hợp đồng tặng cho các bên đang có tranh chấp là tài sản của bà N.T.T và ông Đ.V.V đã được UBND quận H.K cấp GCN quyền sử dụng đất số AC 434806 ngày 06/10/2005 cho người sử dụng đất ông Đ.V.V và bà N.T.T.

Ngày 22/11/2011, tài sản này đã được Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội chi nhánh quận H.K cho đăng ký sang tên cho chị Đ.T.T.H theo Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số công chứng 1657.2011/HĐ-TC được Văn phòng Công chứng L.V thành phố Hà Nội chứng nhận ngày 10/11/2011.

Ngày 27/12/2013, nhà đất này đã được Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội - Chi nhánh quận H.K chấp nhận cho " Đăng ký thế chấp giá trị QSH nhà ở và QSD đất ở theo Hợp đồng thế chấp được Văn phòng công chứng A1 chứng nhận ngày 27/12/2013".

[2]. Xét tính hợp pháp của Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số công chứng 1657.2011/HĐ-TC được Văn phòng Công chứng L.V thành phố Hà Nội chứng nhận ngày 10/11/2011 (BL 27): Theo thời điểm các bên xác lập giao dịch năm 2011, nên áp dụng theo Bộ luật dân sự năm 2005, và Luật Đất đai năm 2003 để xét đối với hợp đồng này.

[2.1]. Những người tham gia giao dịch dân sự là: ông Đ.V.V, bà N.T.T và chị Đ.T.T.H. Đối với ông Đ.V.V thì theo bà Tvà chị H khai thời điểm này ông V đã không làm chủ được năng lực hành vi dân sự vì ông bị tai biến mạnh máu não và Bệnh viện 108 mới cho xuất viện.

Xét tài liệu chứng cứ bà T và chị H xuất trình chứng minh tại thời điểm ký kết hợp đồng tặng cho tài sản ngày 10/11/2011 để chứng minh ông V không làm chủ được năng lực hành vi dân sự thì thấy:

- Theo Công văn số 1994/BV-KHTH ngày 16/6/2017 của Bệnh viện TWQĐ 108 v/v " Phúc đáp Công văn số 87/2017/QĐ-CCCC của Toà án nhân dân quận B.Đ"- BL 177 có nội dung: Bệnh nhân ông Đ.V.V, qua kiểm tra danh sách đăng ký và hồ sơ bệnh án lưu trữ tại Bệnh viện từ ngày 01/10/2002 đến ngày 31/12/2012, chỉ có 1 hồ sơ bệnh án của bệnh nhân Đ.V.V….điều trị tại Khoa nội cán bộ (A1)- BV TWQĐ 108 từ ngày 07/1/2006 đến ngày 13/1/2006 với chuẩn đoán: Bội nhiễm phổi/ Di chứng tai biến mạch máu não 3 lần (bản sao hồ sơ bệnh án đợt điều trị này được bệnh viện gửi kèm theo công văn)…

- Theo Bệnh án số 21497 ngày vào viện 13/9/2011 và ngày ra viện 05/10/2011 của bệnh nhân Đ.V.V(BL 174) có chẩn đoán khi ra viện " *Bội nhiễm phổ trên bệnh nhân hôn mê, liệt tứ chi do đột quị não cũ. Tăng huyết áp giai đoạn 2*".

Như vậy, tính từ ngày 05/10/2011 đến ngày 10/11/2011 là ngày ký hợp đồng tặng cho tài sản là 01 tháng 05 ngày sau khi ông V ra viện. Với tình trạng sức khoẻ của ông V trên thì cần thiết phải có kết luận của bác sỹ điều trị về sức khoẻ ông V vào thời điểm ông V ký kết hợp đồng tặng cho tài sản ngày 10/11/2011. Tuy nhiên, trong bộ thủ tục ký kết hợp đồng tặng cho tài sản không có kết luận này của bác sỹ. Tính đến ngày 10/11/2011 ông V 82 tuổi và bị bệnh nặng. Nay ông V đã chết, không có tài liệu nào để chứng minh về sức khoẻ của ông V có đảm bảo và có đủ năng lực hành vi dân sự khi ký kết hợp đồng tặng cho tài sản không? Thể hiện tại hợp đồng tặng cho tài sản được công chứng tại Văn phòng Công chứng L.V có cả chữ ký ông Đ.V.V và dấu vân tay của ông Đ.V.V.

Về chữ ký của Đ.V.Vcó trong hợp đồng tặng cho thì bà T (vợ ông V) và chị H (con ông V) đều khai không được chứng kiến và xác định không là chữ ký của ông V. Văn phòng Công chứng L.V có cung cấp về chữ ký của ông V hiện có trong một hợp đồng dân sự do Phòng Công chứng số 6 Hà Nội lưu trữ. Tuy nhiên, Phòng Công chứng số 6 chỉ cung cấp cho Tòa án 01 bản hợp đồng (phô tô đóng dấu sao lục) nên không đủ điều kiện để giám định chữ ký. Đặt giả thiết đó là chữ ký của ông V, thì trong điều kiện ông V đã 82 tuổi, là người già và sức khỏe yếu như chẩn đoán của Bệnh viện " *Bội nhiễm phổi trên bệnh nhân hôn mê, liệt tứ chi do đột quị não cũ. Tăng huyết áp giai đoạn 2*" lại không có người làm chứng thì cũng không có căn cứ để xác định ông V có hoàn toàn tự nguyện tặng cho tài sản không?

Còn về dấu vân tay của ông V có trong hợp đồng tặng cho tài sản: Theo kết luận giám định số 6478/PC54 (GĐ) ngày 15/11/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự- Công an thành phố Hà Nội (BL 249) đã kết luận: "*Dấu in đường vân ngón tay trên bản sao Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1657.2011/HĐ-TC ngày 10/11/2011 của VPCCLV (có chứng thực) và các dấu in đường vân tay trên chỉ bản số 011899402 mang tên Đ.V.V(sinh năm 1992; nơi ĐKTT: 10B L.N.Đ, HK) không phải là của cùng một người*". Như vậy, dấu vân tay có trên hợp đồng tặng cho tài sản không phải của ông V.

Đối với bà N.T.T, khi bà tham gia ký kết hợp đồng tặng cho tài sản thì bà đã 73 tuổi. Công chứng viên thì khẳng định bà T là người cao tuổi nhưng vẫn minh mẫn và nghe được tư vấn và hướng dẫn thủ tục của phòng Công chứng. Với người già và tuổi đã cao như bà Tkhi ký kết giao dịch dân sự có liên quan đến việc định đoạt tài sản cần phải có người làm chứng. Nay bà Tcó lời khai bà đã già yếu không biết gì bảo bà ký thì bà ký chứ bà không đọc được. Vì vậy, chưa có căn cứ xác định bà T có tự nguyện tặng cho tài sản không?

Tại phiên tòa đại diện Văn phòng Công chứng L.V có lời khai: công chứng viên có quyền nhận xét về tình trạng sức khỏe của ông V và bà T, và bằng quan sát

công chứng viên thấy ông V và bà T còn khỏe mạnh, minh mẫn. Lý giải này của Công chứng viên không phù hợp bởi lẽ kết luận về sức khỏe con người thuộc về chuyên môn của Bác sỹ theo quy định.

[2.2]. Áp dụng Điều 122 BLDS năm 2005 quy định về " *Điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự*" cho thấy: Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số công chứng 1657.2011/HĐ-TC được Văn phòng công chứng L.V thành phố Hà Nội chứng nhận ngày 10/11/2011: về hình thức của giao dịch dân sự phù hợp với quy định pháp luật đó là: giao dịch được lập thành văn bản và có công chứng theo quy định.

Như phân tích về những người tham gia ký kết trong hợp đồng tặng cho tài sản trên thì thấy: chưa có căn cứ để xác định khi ông V tham gia giao dịch có đủ năng lực hành vi dân sự hay không? Chưa có căn cứ xác định ông V và bà T có hoàn toàn tự nguyện hay không? Vì vậy áp dụng điểm a, điểm c khoản 1 Điều 122 BLDS năm 2005 thì hợp đồng tặng cho tài sản chưa đủ điều kiện có hiệu lực.

[3]. Toà án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N.T.T và tuyên xử vô hiệu Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa bên tặng cho là ông Đ.V.V, bà N.T.T với bên được tặng cho là chị Đ.T.T.H là có căn cứ.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu: tuyên bố văn bản công chứng là Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa bên tặng cho là ông Đ.V.V, bà N.T.T với bên được tặng cho là chị Đ.T.T.H là vô hiệu. Tuy nhiên, Toà án sơ thẩm lại tuyên "Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn xin thi hành án, chị Đ.T.T.H và bà N.T.T có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chuyển dịch tài sản là nhà đất tại 10A L.N.Đ- H.K- Hà Nội cho bà N.T.T và ông Đ.V.V(đã chết)" là quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Áp dụng Điều 137 BLDS năm 2005 quy định " Hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu": trong vụ án này, các đương sự không yêu cầu xem xét. Thực tế Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất mang tên chị Hvẫn đang có hiệu lực pháp luật và đang do Ngân hàng Đ.A quản lý theo Hợp đồng thế chấp tài sản; hơn nữa, bị đơn không có đơn phản tố; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có đơn yêu cầu độc lập. Tòa án căn cứ pháp luật tuyên hủy Hợp đồng tặng cho tài sản không làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của các bên đương sự nên chưa có hậu quả thiệt hại xảy ra.

[4]. Tại phiên tòa, Văn phòng công chứng L.V đề nghị HĐXX phải đưa công chứng viên và Thư ký của Văn phòng công chứng L.V là những người đã nhận hồ sơ của Hợp đồng thế chấp tài sản và ký công chứng tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; yêu cầu đưa chị L (chị gái chị H) tham gia

tố tụng vụ án. Xét yêu cầu này cho thấy: Công chứng viên và Thư ký nhận hồ sơ đều là nhân viên của Văn phòng công chứng L.V, họ làm việc dưới sự điều hành phân công nhiệm vụ của Văn phòng công chứng L.V. Hợp đồng thế chấp tài sản được công chứng viên ký và đóng dấu của Văn phòng công chứng L.V. Nay có tranh chấp về Hợp đồng thế chấp tài sản có công chứng của Văn phòng công chứng L.V, thì Văn phòng công chứng L.V phải có trách nhiệm tham gia tố tụng theo quy định pháp luật; và phải chịu trách nhiệm đối với nhân viên của Văn phòng khi thực thi nhiệm vụ.

Còn chị L (chị gái chị H) không có tên trong Hợp đồng thế chấp tài sản nên Tòa án không đưa chị Lvào tham gia tố tụng vụ án.

Theo nhận định trên, HĐXX không chấp nhận yêu cầu tại phiên tòa của Văn phòng công chứng L.V.

[5]. HĐXXPT sửa án sơ thẩm. Các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí DSPT.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS: Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 15/2018/DSST ngày 24/10/2018 của TAND quận B.Đ, thành phố Hà Nội.

Căn cứ điểm a, điểm c khoản 1 Điều 122; Điều 134 của BLDS năm 2005.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N.T.T về việc tuyên hủy Hợp đồng tặng cho tài sản giữa ông Đ.V.V, bà N.T.T cho chị Đ.T.T.H lập ngày 10/11/2011 đã được công chứng tại Văn phòng Công chứng L.V, Hà Nội.

Tuyên hủy Hợp đồng tặng cho tài sản giữa ông Đ.V.V, bà N.T.T cho chị Đ.T.T.H lập ngày 10/11/2011 đã được công chứng số 1657.2011/HĐ-TC tại Văn phòng Công chứng L.V, Hà Nội.

Xác định chưa có hậu quả thiệt hại do hợp đồng tặng cho tài sản bị tuyên vô hiệu.

2. Về án phí:

- Án phí DSST: Văn phòng Công chứng L.V phải chịu án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Hoàn trả bà N.T.T số tiền 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai thu số 0008359 ngày 15/7/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B.Đ, Hà Nội.

- Án phí DSPT: Hoàn trả Văn phòng Công chứng L.V (do bà N.B.H nộp) số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai thu số 0005046 ngày 12/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B.Đ, Hà Nội.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP Đ.A số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai thu số 0005057 ngày 19/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B.Đ, Hà Nội.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Tòa án nhân dân Q. B.Đ;
- Chi cục THADS Q. B.Đ;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Thu Thiện